

Số: 5289/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu,
nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-ĐHTN ngày 28/4/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch tài chính, Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN&ĐN.



PGS.TS. Hoàng Văn Hùng

QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5289/QĐ-ĐHTN ngày 03 tháng 11 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên (viết tắt ĐHTN) gồm: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh; Tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc (sau đây gọi chung là đơn vị).

b) Tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu - chuyển giao công nghệ với các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc và ĐHTN.

c) Cá nhân nhà khoa học của ĐHTN và các đơn vị; các nhà khoa học khác ở trong và ngoài nước tham gia hợp tác nghiên cứu với ĐHTN và các đơn vị, cá nhân nhà khoa học trong ĐHTN.

d) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhóm nghiên cứu (NNC) là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao của ĐHTN đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn (ít nhất 3 năm), có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ. Các thành viên của nhóm có kết quả nghiên cứu nổi bật (theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này).

2. Nhóm nghiên cứu mạnh (NNCM) là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao của ĐHTN đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn (ít nhất 5 năm), có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến

sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ. Các thành viên chủ chốt của nhóm có kết quả nghiên cứu xuất sắc (theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này).

3. Các loại hình nhóm nghiên cứu trong ĐHTN: Tùy theo mức độ tập hợp và tầm ảnh hưởng, nhóm nghiên cứu được phân thành 2 nhóm: NNC và NNCM, gồm:

a) Nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh (NNC và NNCM) là nhóm đề xuất, đảm nhận, triển khai nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu chung của ĐHTN, tiếp nhận đặt hàng nghiên cứu từ Chính phủ, bộ, ngành và tương đương, có khả năng tích hợp, kết nối nhiều đề tài, hướng nghiên cứu chuyên ngành thành Chương trình nghiên cứu lớn, hướng đến sản phẩm KH&CN tiêu biểu quốc gia, quốc tế; tạo được các yếu tố cạnh tranh; có thể đầu tư hướng tới hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc tại ĐHTN.

NNC được Giám đốc Đại học Thái Nguyên ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ĐHTN khi đáp ứng các tiêu chuẩn thành viên tham gia nhóm; NNCM được Giám đốc ĐHTN công nhận khi đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu của NNCM; các NNC, NNCM được cấp kinh phí hoạt động và được đánh giá định kỳ hằng năm.

b) Các đơn vị căn cứ tiềm năng, nhu cầu của mình tổ chức thành lập NNC theo định hướng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu cơ bản hướng ứng dụng và nghiên cứu ứng dụng hoặc được hình thành từ các nhà khoa học của một hay nhiều phòng thí nghiệm, bộ môn, khoa, trung tâm nghiên cứu hoặc từ các nhà khoa học thuộc các đơn vị khác nhau do một nhà khoa học có uy tín tập hợp để phát triển một hướng nghiên cứu chuyên sâu hay liên ngành có khả năng gia tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm KH&CN, gia tăng số lượng công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí KH&CN quốc tế và trong nước có uy tín và thúc đẩy sự phát triển hoạt động KH&CN của đơn vị theo định hướng nghiên cứu của ĐHTN.

4. Tạp chí quốc tế có uy tín

a) Tạp chí quốc tế có uy tín là các bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), gồm:

- Danh mục SCIE,
- Danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index)
- Danh mục SSCI (Social Science Citation Index);

b) Tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier;

c) Tạp chí nằm trong danh mục ACI.

5. Tạp chí quốc gia có uy tín là các tạp chí khoa học trong danh mục của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước được Hội đồng khoa học và đào tạo ĐHTN quyết định trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học và đào tạo của các đơn vị.

6. Giải thưởng KH&CN quốc gia và quốc tế có uy tín:

a) Giải thưởng KH&CN quốc gia có uy tín là giải thưởng được trao tặng bởi cơ quan, tổ chức KH&CN có thẩm quyền của nhà nước hoặc bởi các hội nghề nghiệp có uy tín cao trong cộng đồng KH&CN trong nước.

b) Giải thưởng KH&CN quốc tế có uy tín là giải thưởng được trao tặng bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế được cộng đồng khoa học quốc tế công nhận rộng rãi.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Điều 3. Chức năng của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Nhóm NNC và NNCM có chức năng xây dựng, tích hợp, kết nối nhiều đề tài, hướng nghiên cứu chuyên ngành thành chương trình nghiên cứu lớn, hướng đến việc tạo ra sản phẩm KH&CN tiêu biểu quốc gia, quốc tế; các định hướng cụ thể trong thời gian 5 năm về công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có uy tín; tạo được các yếu tố cạnh tranh; đầu tư hướng tới hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và đào tạo của giảng viên, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chuyển giao và phục vụ nhu cầu xã hội.

2. Tiếp cận được các tiêu chí của đại học nghiên cứu tiên tiến; có khả năng làm nòng cốt hoặc phối hợp với các nhóm nghiên cứu khác để triển khai các hoạt động khoa học. Tạo cầu nối, hợp tác và mở rộng các hướng nghiên cứu cùng với các nhóm nghiên cứu khác của ĐHTN và các đối tác ngoài Đại học, đặc biệt là các đối tác quốc tế về kế hoạch cùng nghiên cứu và công bố chung.

3. Hằng năm, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, trình Giám đốc ĐHTN (thông qua Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại) phê duyệt. Thời gian hoạt động của nhóm NNC và NNCM từ 3-5 năm hoặc lâu hơn.

Điều 4. Nhiệm vụ của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Đề xuất, xây dựng đề cương/thuyết minh, đấu thầu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp, trong đó ưu tiên tập trung các nhiệm vụ từ cấp Bộ trở lên, các Chương trình hợp tác với các địa phương và nhiệm vụ hợp tác quốc tế; thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính mới và đột phá do nhóm đề xuất hoặc các nhiệm vụ trọng điểm, đột xuất đặc biệt do ĐHTN và các cấp có thẩm quyền đặt hàng.

2. Tạo ra các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ KH&CN chất lượng cao.

3. Trực tiếp tham gia đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, giảng viên có trình độ cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.

4. Tập hợp, kết nối nguồn lực giữa các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc, thu hút nguồn lực bên ngoài vào ĐHTN.

5. Xây dựng và quảng bá thương hiệu ĐHTN và đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc.

Điều 5. Quyền lợi của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh và các thành viên

1. Được ưu tiên xét duyệt, giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong thẩm quyền của ĐHTN hay ưu tiên chọn giới thiệu tham gia đề xuất, đấu thầu các nhiệm vụ KH&CN các cấp và hợp tác quốc tế.

2. Được đầu tư kinh phí nghiên cứu theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học công nghệ hoặc ưu tiên xét duyệt các đề tài do nhóm đề xuất trong khuôn khổ các chương trình nghiên cứu tương ứng.

3. Được ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu thông qua các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của ĐHTN hoặc của đơn vị; được ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng chung của ĐHTN. Đối với một số trang thiết bị rất cần thiết cho các nghiên cứu của nhóm mà các đơn vị khác đang có và tần suất sử dụng ít, có thể được điều chuyển tạm thời cho nhóm quản lý và sử dụng.

4. Giảng viên tham gia NNC, NNCM được giảm định mức giờ giảng dạy để dành thời gian cho nghiên cứu khoa học. Mức giảm cho thành viên NNC là 50% định mức giờ chuẩn theo quy định và do Giám đốc ĐHTN hoặc thủ trưởng các đơn vị quy định.

5. Các thành viên của nhóm NNC, NNCM được ưu tiên cử đi bồi dưỡng chuyên môn, trao đổi học thuật; được xem xét hỗ trợ (một phần hay toàn phần) kinh phí tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế có xuất bản công trình trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS và Scopus. Mức hỗ trợ cụ thể do Giám đốc ĐHTN và thủ trưởng các đơn vị quy định.

6. Được ưu tiên cung cấp quyền truy cập thông tin khoa học từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và quốc tế mà ĐHTN và các đơn vị có giấy phép.

7. Được ưu tiên nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS, kể cả NCS nước ngoài) và học viên cao học làm luận án, luận văn theo hình thức đào tạo tập trung. NCS của NNC và NNCM được hỗ trợ chỗ ở trong các ký túc xá, tham gia thực hiện một số nội dung của các đề tài nghiên cứu của nhóm và hưởng thù lao trong khuôn khổ kinh phí khoán chi của đề tài/dự án; ưu tiên tham gia đề án đào tạo và các chương trình học bổng khác; NNC, NNCM được hỗ trợ về cơ chế và các nguồn lực để thực hiện chính sách thu hút các nhà khoa học xuất sắc ở trong và ngoài nước đến làm việc trực tiếp hoặc trực tuyến.

8. Đối với các NNC hình thành trên cơ sở các phòng thí nghiệm, bộ môn, khoa, trung tâm nghiên cứu... được ưu tiên bổ sung nhân lực nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu, đào tạo.

9. Các công trình nghiên cứu công bố quốc tế và các giải thưởng, thành tích khoa học xuất sắc của nhóm nghiên cứu sẽ được khen thưởng định kỳ hay đột xuất theo “Quy định về Khuyến khích nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế” của Đại học Thái Nguyên.

10. Trưởng nhóm nghiên cứu: Được hưởng tiền phụ cấp trách nhiệm theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐNTN và các đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Điều 6. Điều kiện thành lập, thành phần, tiêu chí của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Nhân lực và thành phần nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:

a) Nhà khoa học trong nước và nước ngoài có uy tín cùng hướng nghiên cứu của nhóm nghiên cứu tham gia theo hình thức cộng tác viên hoặc hình thức hợp tác phù hợp khác.

b) Giảng viên, nghiên cứu viên và người học có cùng hướng nghiên cứu từ cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thành phần nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

a) Thành phần nhóm nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu trong ĐHTN là một tổ chức mở; hoạt động có tính ổn định tương đối về mặt thời gian và nhân lực nhưng vẫn đảm bảo tính bền vững của quá trình đầu tư và phát triển, được hình thành trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học là cán bộ cơ hữu của Đại học Thái Nguyên hoạt động trên cùng một lĩnh vực nghiên cứu, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn để tham gia NNC, được Đại học Thái Nguyên quyết định thành lập và hỗ trợ về cơ chế và các nguồn lực để phát triển.

- NNC gồm có trưởng nhóm và các thành viên.

- Các thành viên NNC phải là cán bộ cơ hữu của Đại học Thái Nguyên, có học vị tiến sĩ trở lên, có uy tín khoa học, có khả năng quản lý và tập hợp các nhà khoa học. Trong trường hợp nhà khoa học trong và ngoài nước không phải cán bộ cơ hữu của ĐHTN tham gia NNC phải được sự đồng ý của Giám đốc ĐHTN và Thủ trưởng các đơn vị thành viên.

b) Thành phần nhóm nghiên cứu mạnh

- Nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN được hình thành và phát triển trên cơ sở các NNC sẵn và đang hoạt động. Đại học Thái Nguyên quyết định xét chọn, công nhận NNCM, hỗ trợ về cơ chế và các nguồn lực để phát triển.

- Nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN gồm trưởng nhóm, 5 thành viên chủ chốt trở lên và không hạn chế số lượng các thành viên. Thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 7 Quy định này và không vi phạm một trong các hành vi bị cấm theo pháp luật về khoa học và công nghệ, không đang trong thời gian bị kỷ luật bằng hình thức từ khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự.

- Các thành viên NNCM phải là cán bộ cơ hữu của Đại học Thái Nguyên, đã tham gia trong NNC, có học vị tiến sĩ trở lên, có uy tín khoa học, có khả năng quản lý và tập hợp các nhà khoa học. Trường hợp nhà khoa học trong và ngoài nước không phải cán bộ cơ hữu của ĐHTN tham gia NNCM phải được sự đồng ý của Giám đốc ĐHTN và Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trong đó số thành viên bên ngoài ĐHTN chiếm không quá 1/4 tổng số thành viên của NNCM. Khuyến khích mời các thành viên và cộng tác viên là các nhà khoa học nước ngoài.

3. ĐHTN là tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh có cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm phù hợp với hướng nghiên cứu chính của nhóm nghiên cứu mạnh; có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài; đã hợp tác thành công với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu khác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

4. Nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN có kế hoạch phát triển ổn định với đội ngũ nhân lực có trình độ và độ tuổi phù hợp; có kế hoạch gia tăng về số lượng và chất lượng các sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn 5 năm; các hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh cần gắn kết với hoạt động của bộ môn, phòng thí nghiệm tại tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài.

5. NNC, NNCM trong ĐHTN có định hướng nghiên cứu tiếp cận được các hướng nghiên cứu tiên tiến, hiện đại, có tính đột phá, liên ngành; có thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển trong 3-5 năm.

6. Sản phẩm của nhiệm vụ nghiên cứu trong 5 năm đầu của NNCM trong ĐHTN đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Công bố ổn định và đạt mức trung bình mỗi năm ít nhất 10 bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) đối với khối ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật công nghệ, ít nhất 10 bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS và Scopus đối với khối ngành khoa học xã hội và nhân văn; có sự gia tăng chất lượng các bài báo thông qua việc được đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ảnh hưởng và chỉ số trích dẫn cao.

b) Xuất bản ít nhất 01 sách chuyên khảo hoặc 02 sách, giáo trình.

c) Đào tạo 05 tiến sĩ trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ.

d) Được cấp trung bình mỗi năm ít nhất 01 bằng độc quyền sáng chế hoặc 02 bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc 02 bằng bảo hộ giống cây trồng có tầm ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội.

đ) Chuyển giao ít nhất 05 công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa ít nhất 05 sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng hoặc có 01 sản phẩm khoa học và công nghệ quốc gia được công nhận trong giai đoạn 5 năm thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu

a) Trưởng nhóm:

- Là cán bộ cơ hữu của ĐHTN, có các thành tích KH&CN nổi bật trên lĩnh vực trùng với định hướng nghiên cứu chính của nhóm.

- Có chức danh, học vị từ Phó giáo sư, tiến sĩ trở lên; trường hợp là thạc sĩ thì phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động nghiên cứu sau khi đạt học vị.

- Là nhà khoa học có uy tín, có năng lực tổ chức, tập hợp các nhà khoa học, có khả năng định hướng phát triển, xây dựng và điều phối triển khai các nhiệm vụ KH&CN.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu từ mức đạt trở lên trong 5 năm gần nhất.

- Là tác giả hoặc tham gia 01 sách chuyên khảo hoặc tác giả chính 01 sách, giáo trình giảng dạy đại học.

- Có chỉ số trích dẫn khoa học cá nhân H-index từ 5 trở lên (theo cơ sở dữ liệu Scopus).

- Đã hướng dẫn thành công ít nhất 01 nghiên cứu sinh.

- Là tác giả chính của ít nhất 05 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS/Scopus hoặc là tác giả của ít nhất 01 sáng chế hoặc 02 giải pháp hữu ích, hoặc 01 bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc là tác giả của công trình khoa học và công nghệ đạt giải nhất giải thưởng cấp bộ, tỉnh hoặc Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

Cụ thể với các nhóm nghiên cứu như sau:

+ Đối với trưởng nhóm nghiên cứu cơ bản khối ngành khoa học tự nhiên: là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 10 công trình khoa học công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus có uy tín; hoặc chủ biên 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc tế hay 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc gia có uy tín; ưu tiên chọn các nhà khoa học có chỉ số Hirsch (H – Index) từ 5 – 10 trở lên, theo cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier.

+ Đối với trường nhóm nghiên cứu cơ bản khối ngành Khoa học xã hội - nhân văn và Kinh tế: là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 03 công trình khoa học công bố trên tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus có uy tín, hoặc chủ biên ít nhất 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc tế hay 02 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc gia có uy tín; ưu tiên chọn các nhà khoa học có chỉ số H từ 2 – 8 trở lên, theo cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier.

+ Đối với trường nhóm nghiên cứu hướng ứng dụng và kỹ thuật công nghệ: là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 04 công trình khoa học công bố trên tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus có uy tín, hoặc chủ biên 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc tế hay 01 sách chuyên khảo đã được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc gia có uy tín; hoặc là tác giả của ít nhất 01 bằng độc quyền sáng chế hoặc ít nhất 01 sản phẩm hay giải pháp ứng dụng đã được chuyên giao vào sản xuất, đời sống; hoặc đạt được giải thưởng KH&CN, sáng tạo kỹ thuật cấp quốc gia; ưu tiên chọn các nhà khoa học có chỉ số H từ 5 – 10 trở lên, theo cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier.

- Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ phổ biến (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật), trong đó giao tiếp được bằng tiếng Anh.

- Đã có kinh nghiệm hợp tác với các tổ chức trong nước và nước ngoài trong triển khai hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất thử nghiệm hoặc thương mại hóa thành công sản phẩm khoa học và công nghệ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và nước ngoài.

- Có đủ sức khỏe đáp ứng theo quy định của pháp luật về lao động, còn đủ tuổi làm công tác chuyên môn ít nhất 5 năm tính đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động để hoàn thành định hướng nghiên cứu.

b) Thành viên của nhóm nghiên cứu:

- Là nhà khoa học trong nước (và quốc tế) có trình độ tiến sĩ trở lên, hoặc nếu là thạc sĩ thì phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn.

- Có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN và có cam kết đăng ký tham gia nhóm nghiên cứu mạnh.

- Đã chủ trì 01 đề tài KH&CN cấp ĐHTN trở lên hoặc thành viên của ít nhất 01 đề tài KH&CN cấp Bộ được nghiệm thu ở mức đạt trở lên trong 5 năm gần nhất.

- Có chỉ số trích dẫn khoa học cá nhân H-index từ 3 trở lên (theo cơ sở dữ liệu Scopus).

- Tham gia của 01 chương sách chuyên khảo hoặc 01 sách giáo trình giảng dạy đại học.

- Là tác giả chính của ít nhất 03 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS hoặc là tác giả của ít nhất 01 sáng chế hoặc 01 giải pháp hữu ích, hoặc 01 bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc là tác giả của công trình khoa học và

công nghệ đạt giải ba giải thưởng cấp bộ, tỉnh trở lên hoặc Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Đã hướng dẫn chính thành công ít nhất 01 nghiên cứu sinh.

- Đã có kinh nghiệm hợp tác trong triển khai nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm tạo ra các sản phẩm khoa học được ứng dụng phục vụ cộng đồng và có ít nhất 01 hợp tác nghiên cứu với một nhóm nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài.

- Nếu là thành viên đến từ bên ngoài ĐHTN, ngoài các yêu cầu nêu trên, phải có bản cam kết tham gia NNC và được sự đồng ý của Giám đốc ĐHTN.

2. Tiêu chuẩn Trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh

a) Trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của ĐHTN đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn sau đây:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu từ mức đạt trở lên trong 5 năm gần nhất.

- Là tác giả 01 sách chuyên khảo hoặc 02 sách, giáo trình giảng dạy đại học.

- Có chỉ số trích dẫn khoa học cá nhân H-index từ 10 trở lên (theo cơ sở dữ liệu Scopus).

- Là tác giả chính của ít nhất 10 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế hoặc 05 giải pháp hữu ích, hoặc 02 bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc là tác giả của công trình khoa học và công nghệ đạt giải nhất giải thưởng cấp bộ, tỉnh hoặc Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Đã hướng dẫn chính thành công ít nhất 02 nghiên cứu sinh.

- Đã có kinh nghiệm hợp tác với các tổ chức trong nước và nước ngoài trong triển khai hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất thử nghiệm hoặc thương mại hóa thành công sản phẩm khoa học và công nghệ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và nước ngoài.

- Có đủ sức khỏe đáp ứng theo quy định của pháp luật về lao động, còn đủ tuổi làm công tác chuyên môn ít nhất 5 năm tính đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động để hoàn thành định hướng nghiên cứu.

b) Đồng trưởng nhóm là nhà khoa học có uy tín được mời từ nước ngoài, chịu trách nhiệm về nội dung học thuật, có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của trưởng nhóm, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn tại các điểm a khoản 2 Điều này hoặc đã đoạt giải thưởng quốc tế có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu.

c) Trưởng nhóm được đặc cách công nhận nếu là nhà khoa học đầu ngành được công nhận theo quy định về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và

công nghệ hoặc đã đoạt giải thưởng quốc tế có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Thành viên chủ chốt là giảng viên của ĐHTN hoặc nghiên cứu viên của viện nghiên cứu trong nước, đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn sau đây:

- Có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN và có cam kết đăng ký tham gia nhóm nghiên cứu mạnh.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên trong 5 năm gần nhất.

- Có chỉ số trích dẫn khoa học cá nhân H-index từ 5 trở lên (theo cơ sở dữ liệu Scopus).

- Là tác giả của 01 chương sách chuyên khảo hoặc 01 sách giáo trình giảng dạy đại học.

- Là tác giả chính của ít nhất 05 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS hoặc là tác giả của ít nhất 01 sáng chế hoặc 02 giải pháp hữu ích, hoặc 02 bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc là tác giả của công trình khoa học và công nghệ đạt giải ba giải thưởng cấp bộ, tỉnh trở lên hoặc Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Đã hướng dẫn chính thành công ít nhất 01 nghiên cứu sinh.

- Đã có kinh nghiệm hợp tác trong triển khai nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm tạo ra các sản phẩm khoa học được ứng dụng phục vụ cộng đồng và có ít nhất 01 hợp tác nghiên cứu với một nhóm nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài.

đ) Thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín được mời từ nước ngoài, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, thứ ba, thứ năm, thứ sáu điểm d khoản 2 Điều này hoặc là nhà khoa học từ doanh nghiệp hoặc tổ chức khác đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại gạch đầu dòng thứ nhất, thứ ba, thứ năm, thứ bảy điểm d khoản 2 Điều này.

e) Thành viên chủ chốt được đặc cách công nhận nếu là nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng được công nhận theo quy định về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đã đoạt giải thưởng quốc tế có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu.

g) Thành viên khác là giảng viên, nghiên cứu viên và người học của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trong nước và nước ngoài đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn sau đây:

- Có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN và có cam kết đăng ký tham gia nhóm nghiên cứu mạnh.

- Đã có công trình khoa học công bố chung với trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trên tạp chí khoa học uy tín trong nước.

h) Thành viên là nhà khoa học từ doanh nghiệp hoặc tổ chức khác cần đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại quy định tại gạch đầu dòng thứ bảy điểm d khoản 2 và gạch đầu dòng thứ nhất điểm g khoản 2 Điều này.

Điều 8. Quy trình đăng ký, xét chọn và công nhận nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Hằng năm, ĐHTN thông báo đến các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc về việc đăng ký thành lập NNC và công nhận NNCM của ĐHTN.

2. Các nhà khoa học đủ điều kiện chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký NNC và công nhận NNCM về ĐHTN.

3. ĐHTN thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ NNC và NNCM.

4. Căn cứ kết quả của các Hội đồng tư vấn, Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập NNC và công nhận NNCM.

5. Giám đốc ĐHTN ký hợp đồng đặt hàng nhiệm vụ với các NNC và NNCM được thành lập và công nhận (Mẫu 17 Phụ lục kèm theo Quy định này).

Điều 9. Hồ sơ đăng ký nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Hồ sơ đăng ký NNC và NNCM gồm có:

a) Đơn đăng ký (Mẫu 01 Phụ lục kèm theo Quy định này).

b) Bản thuyết minh các hướng nghiên cứu chính của nhóm (Mẫu 03 Phụ lục kèm theo Quy định này).

c) Lý lịch khoa học của trưởng nhóm và các thành viên (Mẫu 4 Phụ lục kèm theo Quy định này).

d) Danh sách trích ngang các cộng tác viên (nếu có).

đ) Các minh chứng về năng lực của nhóm theo các tiêu chí nêu ở Điều 7.

e) Các hồ sơ, minh chứng bổ sung khác (nếu có).

2. Đăng ký NNC và NNCM phải nộp 01 bộ hồ sơ gốc về ĐHTN (qua Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại) và bộ hồ sơ scan gửi qua email ghi trong thông báo đăng ký.

Điều 10. Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh của Đại học Thái Nguyên

1. Căn cứ vào hồ sơ đăng ký hàng năm, Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ NNC và NNCM, mỗi hội đồng đánh giá cho một hay một số hồ sơ cùng hướng chuyên môn.

2. Hội đồng gồm 07 - 09 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, 02 ủy viên phân biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là nhà khoa học có uy tín, khách quan, cùng hoặc am hiểu sâu lĩnh vực chuyên môn của nhóm nghiên cứu; có chức danh, học vị phó giáo sư, tiến sĩ trở lên (nếu là tiến sĩ thì có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn cùng lĩnh vực của nhóm nghiên cứu).

3. Hồ sơ đăng ký NNC và NNCM được chuyển đến các thành viên Hội đồng chậm nhất 07 ngày trước khi Hội đồng họp. Các ủy viên phản biện chuẩn bị bản nhận xét (Mẫu 07 Phụ lục kèm theo Quy định này) và nộp về ĐHTN (qua Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại) 02 ngày trước khi Hội đồng xét chọn họp.

4. Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (bản nhận xét của ủy viên phản biện vắng mặt đã nộp trước). Trường hợp ủy viên phản biện không đồng ý thông qua hồ sơ đăng ký thì người đó nhất thiết phải có mặt tại phiên họp.

5. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp. Sau khi nghe đại diện NNC và NNCM giới thiệu tóm tắt hồ sơ đăng ký, ủy viên phản biện đọc nhận xét, các thành viên Hội đồng trao đổi, thảo luận với nhóm nghiên cứu và góp ý để làm rõ và hoàn chỉnh các vấn đề trong hồ sơ.

6. Các thành viên Hội đồng xét chọn thể hiện ý kiến thông qua Phiếu đánh giá (Mẫu 08 Phụ lục kèm theo Quy định này), trong mỗi phiếu có kết luận “Đạt” và “Không đạt”. Kết quả đánh giá chung của Hội đồng là “Đạt” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Đạt”. Kết quả họp Hội đồng xét chọn được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các ý kiến của thành viên Hội đồng (Mẫu 09 Phụ lục kèm theo Quy định này).

Điều 11. Thành lập và công nhận nhóm nghiên cứu

1. Đối với các hồ sơ đăng ký NNC đã được Hội đồng đánh giá “Đạt”, Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập NNC.

2. Đối với các hồ sơ đăng ký NNCM đã được Hội đồng đánh giá “Đạt”, Giám đốc ĐHTN ra quyết định công nhận NNCM.

3. Thời hạn đối với NNC là 3 năm, NNCM là 05 năm và được đánh giá hằng năm theo quy định.

Điều 12. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

1. Trong thời hạn 15 ngày sau khi được công nhận, trưởng nhóm NNC, NNCM có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch hoạt động của nhóm theo thời gian công nhận và đề cương hoạt động chi tiết của năm thứ nhất, trên cơ sở các ý kiến góp ý của Hội đồng tư vấn đánh giá.

2. Các nhóm NNC, NNCM họp định kỳ ít nhất 01 tháng một lần. Trong trường hợp cần thiết, trưởng nhóm nghiên cứu có thể triệu tập phiên họp bất thường.

3. Phiên họp thường kỳ của NNC cần có ít nhất 3/4 tổng số thành viên chính thức của nhóm tham dự. Các phiên họp bất thường không nhất thiết phải có đủ số lượng thành viên như trên nhưng phải có 2/3 thành viên có chuyên môn liên quan đến vấn đề cần đưa ra thảo luận tại cuộc họp bất thường.

4. Giám đốc ĐHTN ký phê duyệt kế hoạch hoạt động và đề cương hoạt động chi tiết trong năm thứ nhất của NNC, NNCM sau khi Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại thẩm định. Nhóm NNC, NNCM phải hoàn thành đề cương hoạt động chi tiết cho năm tiếp theo trước ngày 15/10 hàng năm, Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại thẩm định và trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt trước ngày 15/12 hàng năm.

5. Dựa trên kế hoạch và đề cương đã phê duyệt, trưởng NNC, NNCM có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động của nhóm.

Điều 13. Chính sách ưu đãi cho nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

1. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN được hưởng ưu đãi từ Nhà nước như sau:

a) Được ưu tiên xem xét đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

b) Được ưu tiên đề xuất bố trí vốn đầu tư các dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ theo lĩnh vực nghiên cứu của nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Được ưu tiên cử thành viên tham gia các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tại cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong nước và nước ngoài; được cử đi thực tập, làm việc có thời hạn để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tại các tổ chức khoa học và công nghệ ở nước ngoài theo các chương trình, đề án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Được hỗ trợ kinh phí để công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng trong nước và nước ngoài, xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn theo các chương trình hoặc đề án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Được hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong nước và ngoài nước theo các chương trình, đề án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

e) Được xem xét hỗ trợ sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

g) Được các thư viện, tổ chức thông tin khoa học và công nghệ công lập tạo điều kiện tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

Các nội dung đã được hỗ trợ, tài trợ tại các điểm c, d và đ khoản này không được trùng lặp với các nội dung hỗ trợ, tài trợ khác từ ngân sách nhà nước.

2. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong ĐHTN được hưởng ưu đãi từ ĐHTN như sau:

a) Được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, bố trí phòng làm việc và các phương tiện văn phòng cần thiết cho NNC, NNCM trong ĐHTN để hoạt động; được hỗ trợ tìm kiếm các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và được giao trực tiếp quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm từ các nguồn đầu tư tìm kiếm được cho hoạt động nghiên cứu; được hỗ trợ kinh phí theo khả năng của ĐHTN để hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đã được phê duyệt. Mức kinh phí cấp để hoạt động thường xuyên cho NNC, NNCM như sau:

- Nhóm nghiên cứu mạnh: 600 triệu đồng/năm.

- Nhóm nghiên cứu: 500 triệu đồng/năm.

b) Ưu đãi về lương cho các thành viên của NNC, NNCM từ ĐHTN, cụ thể:

- Trưởng nhóm NNCM: 01 hệ số lương cơ bản + 25% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

- Đồng Trưởng nhóm NNCM: 01 hệ số lương cơ bản + 25% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

- Thành viên chủ chốt NNCM: 01 hệ số lương cơ bản + 20% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

- Thành viên NNCM: 01 hệ số lương cơ bản + 15% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

- Trưởng nhóm NNC: 01 hệ số lương cơ bản + 20% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

- Thành viên NNC: 01 hệ số lương cơ bản + 10% của 01 hệ số lương cơ bản/tháng.

c) Thưởng cho các công trình khoa học

- Bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS – ngoại trừ danh mục ESCI) đối với khối ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật công nghệ: mức thưởng 25.000.000 đồng.

- Bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS và Scopus đối với khối ngành khoa học xã hội và nhân văn: mức thưởng 25.000.000 đồng.

- 01 sách chuyên khảo: mức thưởng 15.000.000 đồng.

- 01 sách (giáo trình): mức thưởng 10.000.000 đồng.

- 01 bằng độc quyền sáng chế: mức thưởng 20.000.000 đồng

- 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích: mức thưởng 15.000.000 đồng.

- 01 bằng bảo hộ giống cây trồng: mức thưởng 15.000.000 đồng.

- Chuyển giao 01 công nghệ sản xuất hoặc thương mại hóa 01 sản phẩm khoa học và công nghệ vào thực tiễn phục vụ cộng đồng: mức thưởng 30.000.000 đồng.

- Có 01 sản phẩm khoa học và công nghệ quốc gia được công nhận: mức thưởng 30.000.000 đồng.

d) Trưởng nhóm và thành viên chủ chốt là giảng viên cơ hữu của ĐHTN tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh được giảm 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy hằng năm.

Trưởng nhóm và thành viên là giảng viên cơ hữu của ĐHTN tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu được giảm 40% định mức giờ chuẩn giảng dạy hằng năm.

Điều 14. Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi cho nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi cho NNC và NNCM trong ĐHTN được bố trí từ Quỹ khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên, từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền của tổ chức chủ trì nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

1. Hướng dẫn và hỗ trợ giảng viên cơ hữu đáp ứng đủ điều kiện trưởng NNC, NNCM trong ĐHTN quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy định này, tập hợp nhân lực trong nước và nước ngoài đã xây dựng thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển trong 3 năm đối với NNC và 5 năm đối với NNCM.

2. Ban hành quy định ưu đãi để phát triển NNC, NNCM trong ĐHTN, quy định ưu đãi về thu nhập và giờ giảng cho thành viên NNC, NNCM trong ĐHTN và đưa vào quy định trong quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm tuân thủ quy định và được công bố công khai.

3. Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm trình cấp có thẩm quyền để xét duyệt và bố trí kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi cho các NNC, NNCM trong ĐHTN theo quy định.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của NNC, NNCM định kỳ hằng năm (thông qua Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại).

Điều 16. Trách nhiệm và quyền của trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên

1. Trách nhiệm và quyền của trưởng nhóm

a) Xây dựng thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển trong 3 năm đối với NNC và 5 năm đối với NNCM, trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt.

b) Xây dựng hồ sơ đề nghị ĐHTN ra quyết định thành lập NNC và công nhận NNCM trong ĐHTN.

c) Tập hợp đội ngũ trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực chuyên môn có liên quan để phối hợp với các thành viên NNC, NNCM trong ĐHTN thực hiện thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển đã được phê duyệt; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để triển khai các hoạt động nghiên cứu gắn với đào tạo tiến sĩ, duy trì sự ổn định và gia tăng về số lượng và chất lượng của các sản phẩm khoa học và công nghệ hằng năm.

d) Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị của ĐHTN và của tổ chức, doanh nghiệp phối hợp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu; sử dụng các nguồn kinh phí được cấp theo đúng quy định để đạt được các sản phẩm đã cam kết trong thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển; chịu trách nhiệm giải trình trước ĐHTN và cơ quan quản lý có liên quan.

đ) Báo cáo kết quả hoạt động của NNC, NNCM cho ĐHTN định kỳ hằng năm (thông qua ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại).

e) Được tự chủ trong việc thu hút các chuyên gia, nghiên cứu sinh, thực tập sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu; được thu nhận thành viên tham gia NNC, NNCM; được sử dụng và phân bổ các nguồn lực NNC, NNCM trong ĐHTN.

g) Được đề xuất với ĐHTN (tổ chức Chủ trì), các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng các hướng nghiên cứu mới, các chương trình đào tạo mới; được phát triển các sản phẩm khoa học và công nghệ của NNC, NNCM.

h) Được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tương đương chính sách cho nhà khoa học đầu ngành trong ĐHTN theo quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Trách nhiệm và quyền của các thành viên

a) Tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ do trưởng nhóm phân công và chịu trách nhiệm cá nhân trước trưởng nhóm về hiệu quả công việc được phân công; tích cực tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ của cộng đồng khoa học trong nước và nước ngoài.

b) Được đề xuất với trưởng nhóm về các hướng nghiên cứu và đào tạo mới; được khuyến khích phát hiện và giới thiệu các chuyên gia, nhà khoa học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, học viên, sinh viên xuất sắc tham gia NNC, NNCM.

c) Thành viên chủ chốt được ưu tiên tham gia các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ tại cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu nước ngoài; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ ở nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của NNC, NNCM theo các chương trình, đề án được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt.

d) Thành viên NNC, NNCM trong ĐHTN là giảng viên hoặc cam kết làm giảng viên được ưu tiên hỗ trợ kinh phí đào tạo nghiên cứu sinh theo các chương

trình đào tạo trình độ tiến sĩ được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt theo quy định.

d) Đồng trường nhóm, thành viên chủ chốt là nhà khoa học nước ngoài được hưởng các ưu đãi theo quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Điều 17. Đánh giá hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Đánh giá hoạt động hàng năm của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

a) Trường nhóm NNC và NNCM trong ĐHTN có trách nhiệm nộp báo cáo về tình hình và kết quả triển khai hoạt động của nhóm cho ĐHTN cùng các đề xuất, kiến nghị trong quá trình thực hiện kế hoạch năm (Mẫu 10 Phụ lục kèm theo Quy định này). NNC và NNCM trong ĐHTN nộp báo cáo trực tiếp cho Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại. Thời điểm báo cáo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

b) Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại chủ trì, mời các nhà khoa học đã tham gia Hội đồng xét chọn và các nhà khoa học khác đánh giá độc lập báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của NNC và NNCM dựa vào đề cương đã được phê duyệt. Kết quả đánh giá theo 02 mức “Đạt” và “Chưa đạt”.

c) Các nhóm NNC, NNCM có kết quả đánh giá “Đạt” sẽ tiếp tục được hưởng các quyền lợi quy định tại Điều 5 và Điều 13 Quy định này, được đầu tư phát triển theo kế hoạch đã được phê duyệt. Các nhóm có kết quả đánh giá “Chưa đạt” sẽ dừng được hưởng các quyền lợi quy định tại Điều 5, Điều 13 và đầu tư phát triển cho đến khi bổ sung các kết quả, hoặc giải trình thỏa đáng lý do chưa đạt và đưa ra các giải pháp khắc phục.

2. Đánh giá cuối kỳ NNC, NNCM: Đánh giá kết quả đạt được sau 03 năm từ ngày quyết định thành lập NNC và 05 năm từ ngày được công nhận NNCM .

a) Trường NNC, NNCM lập báo cáo tổng kết (Mẫu 12. Phụ lục kèm theo Quy định này) và gửi cho Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại trước khi kết thúc kỳ hoạt động 01 tháng.

b) Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cuối kỳ đối với NNC, NNCM, Hội đồng gồm 07 thành viên (trong đó có Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên). Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc ĐHTN, Thư ký Hội đồng là Lãnh đạo Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại, các thành viên khác là các nhà khoa học trong hoặc ngoài ĐHTN, có cùng hoặc gần lĩnh vực chuyên môn của nhóm nghiên cứu; có chức danh, học vị phó giáo sư, tiến sĩ trở lên.

d) Phiên họp của Hội đồng đánh giá được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (ủy viên

phản biện vắng mặt phải nộp trước bản nhận xét của mình (Mẫu 14 Phụ lục kèm theo Quy định này)). Các thành viên Hội đồng thể hiện ý kiến thông qua Phiếu đánh giá (Mẫu 15 Phụ lục kèm theo Quy định này), trong mỗi phiếu có kết luận 3 mức “Xuất sắc”, “Đạt” và “Không đạt”. Kết quả đánh giá chung của Hội đồng là “Đạt” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Đạt”. Kết quả đánh giá chung của Hội đồng là “Xuất sắc” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Xuất sắc” và không có thành viên nào đánh giá ở mức “Không đạt”. Kết quả họp Hội đồng đánh giá được lập thành biên bản (Mẫu 16 Phụ lục kèm theo Quy định này), trong đó ghi rõ kết luận của Hội đồng.

đ) Các NNC, NNCM được đánh giá “Không đạt” thì không được tiếp tục công nhận lại là NNC, NNCM. Các nhóm được đánh giá “Xuất sắc” và “Đạt” sẽ được Giám đốc ĐHTN ra quyết định công nhận NNC, NNCM cho kỳ hoạt động tiếp theo, trong đó các nhóm “Xuất sắc” sẽ được khen thưởng và nâng mức ưu tiên một số quyền lợi.

Điều 18. Dừng hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

Các NNC, NNCM trong ĐHTN bị dừng hoạt động, không được công nhận và không được hưởng quyền lợi của NNC, NNCM quy định tại Điều 5 Quy định này nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

1. Không hoạt động theo kế hoạch đã được phê duyệt.
2. Tiến hành những hoạt động nghiên cứu có dấu hiệu vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội.
3. Không đủ sản phẩm theo tiến độ đã được phê duyệt.
4. Trưởng nhóm hoặc 1/2 thành viên NNC, NNCM không đủ sức khỏe hoặc đi công tác ngoài ĐHTN từ 12 tháng trở lên.
5. NNC, NNCM có văn bản đề nghị dừng hoạt động vì các lý do khác.
6. Các khoản kinh phí tạm ứng hoặc khấu trừ giờ giảng và các quyền lợi khác sẽ bị thu hồi hoặc hết hiệu lực thực hiện theo thời điểm NNC, NNCM kết thúc hoạt động.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Ban Khoa học công nghệ và Đối ngoại có trách nhiệm giúp Giám đốc ĐHTN kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.
2. Các đơn vị, các NNC, NNCM trong ĐHTN có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 20. Quy định về sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc ĐHTN có thể quyết định sửa đổi hoặc bổ sung những nội dung trong Quy định này cho phù hợp với tình hình thực tiễn của ĐHTN.

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ
NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

- Mẫu 01-Đơn đăng ký nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 02-Đơn đăng ký lại nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 3-Thuyết minh nghiên cứu của nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 04-Lý lịch khoa học trưởng nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 05-Bản cam kết dành cho thành viên ngoài Đại học Thái Nguyên
- Mẫu 06-Danh sách trích ngang các thành viên nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 07-Phiếu nhận xét phản biện hồ sơ đăng ký nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 08-Phiếu đánh giá hội đồng xét chọn nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 09-Biên bản họp hội đồng xét chọn nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 10: Báo cáo định kỳ nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 11-Biên bản kiểm tra tiến độ hoạt động nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 12- Báo cáo tổng kết hoạt động nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 13-Mẫu bìa báo cáo tổng kết nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 14-Phiếu nhận xét phản biện báo cáo tổng kết nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 15-Phiếu đánh giá báo cáo tổng kết nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 16-Biên bản họp hội đồng đánh giá tổng kết nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh
- Mẫu 17- Hợp đồng đặt hàng nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
NHÓM NGHIÊN CỨU, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Kính gửi: Giám đốc Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày.... /...../2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số/ĐHTN-KHCN&ĐN ngày..../...../..... về việc đăng ký xét chọn nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh năm 20.... của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

1. Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

2. Lĩnh vực chuyên môn hoạt động:.....

3. Loại hình nhóm nghiên cứu

4. Thông tin thành viên:

a) Trưởng nhóm:

Chức danh, họ tên:

Chuyên môn:.....

Đơn vị công tác:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

ORCID:

Số tài khoản ngân hàng:

Mã số thuế cá nhân:

b) Các thành viên

STT	Chức danh, học vị, họ và tên	Vai trò	Email	Cơ quan công tác	ORCID

Kính đề nghị Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét thành lập “tên nhóm” là nhóm nghiên cứu.

Hồ sơ đăng ký kèm theo gồm:

-

-

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Trưởng nhóm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Kính gửi: Giám đốc Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày.... /...../2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số/ĐHTN-KHCN&ĐN ngày...../...../..... về việc đăng ký xét chọn nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh năm 20.... của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Chúng tôi xin đăng ký lại nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh cho đợt xét công nhận năm 20..... với các thông tin như sau:

1. Tên nhóm nghiên cứu:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
2. Lĩnh vực chuyên môn hoạt động:.....
3. Loại hình nhóm nghiên cứu:
4. Thông tin thành viên:
 - a) Trưởng nhóm:
 - Chức danh, họ tên:
 - Chuyên môn:
 - Đơn vị công tác:
 - Điện thoại:..... E-mail:.....
 - ORCID:
 - Số tài khoản ngân hàng:
 - Mã số thuế cá nhân:
 - b) Các thành viên

STT	Chức danh, học vị, họ và tên	Vai trò	Email	Cơ quan công tác	ORCID

Kính đề nghị Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét thành lập “tên nhóm” là nhóm nghiên cứu.

Hồ sơ đăng ký kèm theo gồm:

-
-

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Trưởng nhóm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

THUYẾT MINH NGHIÊN CỨU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÓM NGHIÊN CỨU NGHIÊN CỨU MẠNH

1.1. Tên nhóm nghiên cứu:

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

- Tên gọi tắt (nếu có):

1.2. Lĩnh vực chuyên môn hoạt động

1.3. Loại hình nhóm nghiên cứu :

1.4. Mục tiêu hoạt động:

- Về hướng nghiên cứu:

.....

- Về đào tạo cán bộ trẻ:

.....

.....

- Về đào tạo sau đại học:

.....

.....

- Về liên kết trong nghiên cứu khoa học & ứng dụng kết quả:

.....

.....

1.5. Trưởng nhóm (kèm theo lý lịch khoa học chi tiết):

Chức danh, họ tên:

Chuyên môn:

Đơn vị công tác:

Điện thoại:..... E-mail:.....

ORCID:

Số TKNH:..... Mã số thuế:

1.6. Danh sách các thành viên (kèm theo lý lịch chi tiết):

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Đơn vị công tác
1			
2			
...			

1.7. Danh sách các cộng tác viên:

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Đơn vị công tác
1			
2			
...			

1.8. Các đối tác hợp tác

TT	Tên đối tác	Địa chỉ (thành phố, quốc gia)	Tình hình hợp tác đã có
1			
2			
...			

2. THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA NHÓM

2.1. Danh mục các công bố tiêu biểu liên quan đến hướng nghiên cứu trong 05 năm gần nhất (sắp xếp theo thứ tự thời gian mới nhất đến cũ nhất, gạch chân tên tác giả là trưởng nhóm hay thành viên của nhóm, ghi rõ danh mục ISI/SCOPUS)

TT	Tên bài báo	Tác giả	Tạp chí	Chất lượng		
				Danh mục	IF	Q1/Q2/Q3/Q4

2.2. Danh mục các nhiệm vụ KH&CN có liên quan từ cấp cơ sở trở lên thực hiện trong 05 năm gần nhất (do trưởng nhóm hay thành viên nhóm làm chủ nhiệm)

TT	Tên nhiệm vụ, mã số	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Cấp quản lý	Tình trạng (đang thực hiện/đã nghiệm thu, kết quả)
1					
2					
...					

2.3. Danh mục các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản (do trưởng nhóm hay thành viên nhóm làm chủ biên)

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Mã số ISBN
1					
2					
...					

2.4. Danh mục các sản phẩm KH&CN đã ứng dụng, đăng ký sở hữu trí tuệ, chuyển giao trong 05 năm gần nhất (sắp xếp theo thứ tự thời gian mới nhất đến cũ nhất)

2.5. Các giải thưởng về KH&CN trong 05 năm gần nhất (tên công trình, tên giải thưởng, cấp khen thưởng, thời gian)

3. NĂNG LỰC VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ HIỆN CÓ (chỉ nêu các hạng mục thiết yếu)

3.1. Phòng làm việc, phòng thí nghiệm (tên phòng, địa chỉ, diện tích, đơn vị quản lý)

3.2. Trang thiết bị nghiên cứu

TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Sở hữu (đơn vị, nhóm, cá nhân?)	Đơn vị quản lý
1				
2				
...				

4. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

4.1. Ngoài nước

4.2. Trong nước

5. TÍNH CẤP THIẾT CỦA NGHIÊN CỨU

6. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU, HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM TRONG 03 NĂM (từ tháng/năm đến tháng/năm)

7. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

8. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

9. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung nghiên cứu	Thời gian (tháng/năm – tháng/năm)	Sản phẩm dự kiến (loại sản phẩm, số lượng, chỉ tiêu chất lượng)	Người thực hiện
1				

...			
1			
2			
...			

10. SẢN PHẨM DỰ KIẾN THEO TỪNG NĂM

Loại sản phẩm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
Seminar/hội thảo			
Đề tài cấp cơ sở được phê duyệt thực hiện			
Đề tài cấp Bộ trở lên được phê duyệt thực hiện			
Bài báo $\geq 0,5$ điểm			
Bài báo $\geq 1,0$ điểm			
Bài báo $\geq 1,25$ điểm			
Bài báo $\geq 1,50$ điểm			
Bài báo $\geq 2,0$ điểm			
Bài báo $\geq 3,0$ điểm			
Sách/chương sách xuất bản trong nước			
Sách/chương sách xuất bản quốc tế			
Bằng sáng chế			
Hợp đồng chuyên gia			
Sản phẩm thương mại hóa			
Sản phẩm đào tạo (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ)			
Sản phẩm khác...(ghi rõ)			
<i>Điểm của bài báo được tính là mức điểm tối đa do HĐGS ngành/liên ngành quy định hiện hành</i>			

11. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI

- Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo
- Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan

- Đối với phát triển kinh tế-xã hội

- Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

12. KINH PHÍ THỰC HIỆN (kèm theo Phụ lục Dự toán kinh phí chi tiết theo từng năm)

- Tổng kinh phí: VNĐ (Bằng chữ:)

Trong đó:

Nghân sách Nhà nước: VNĐ Các nguồn kinh phí khác:

Nhu cầu kinh phí từng năm:

- Năm thứ nhất từ tháng/ năm đến tháng năm:

- Năm thứ hai từ tháng/ năm đến tháng năm:

- Năm thứ ba từ tháng/ năm đến tháng năm:

Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác	
Chi tiền công lao động trực tiếp					Tổng thời gian lao động + giảng dạy + nhiệm vụ khác không nhiều hơn 1760 giờ/năm
Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu tiêu hao					theo quy chế chi tiêu nội bộ
Chi hội thảo/seminar khoa học					2 lần định mức theo Quy định kèm theo Quyết định 2164
Công tác phí					
Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu					
Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn					
Chi quản lý chung					5% tổng kinh phí
Chi khác					
Tổng cộng					

Nguồn khác không lấy từ các cá nhân tham gia đề tài; khuyến khích có sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị phối hợp khác.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

**Ban KHCN&ĐN
TRƯỞNG BAN**

Thuyết minh đã được bàn bạc, thảo luận và
thống nhất với tất cả các thành viên trong
nhóm nghiên cứu

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Thừa ủy quyền của tất cả các thành viên

trong Nhóm

TRƯỞNG NHÓM

(ký và ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI GUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4	1. Họ và tên:		
	2. Năm sinh:	3. Giới tính:	
	4. Chức danh:	Năm được phong:	
	Bằng cấp:	Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ:	
6. Địa chỉ:			
7. Điện thoại:		Email:	
8. Số tài khoản:		tại ngân hàng.....	
9. Mã số thuế:			
10. Cơ quan - nơi làm việc của cán bộ khoa học:			
Địa chỉ Cơ quan:			
Điện thoại Cơ quan:			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp

11. Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Chức vụ

12. Các công trình khoa học đã công bố (trong 03 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (sách, giáo trình, bài báo,...)	Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên nhà xuất bản, tạp chí đã đăng)	Năm xuất bản, công bố
Sách, giáo trình				
1				
Bài báo khoa học				
1				
2				
3				
4				

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian
----	----------------	------------------------------------	-----------

			(bắt đầu - kết thúc)

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 05 năm gần đây

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình, đề tài, dự án, ...	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu/ chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng KH&CN (nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (nếu có)

18. Tham gia hoạt động đào tạo sau đại học

18.1. Đào tạo tiến sĩ

Tên NCS	Tên luận án	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn	Cơ sở đào tạo

18.2. Đào tạo thạc sĩ - Số luận văn hướng dẫn chính trong 05 năm gần nhất:.....

Tên học viên	Tên luận văn	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn	Cơ sở đào tạo

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

NGƯỜI KHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Giám đốc Đại học Thái Nguyên

Tên tôi là:

Số CCCD:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:Email:

Sau khi trao đổi với Ông/Bà.....về việc tham gia Nhóm nghiên cứu mạnh <<tên nhóm dự kiến>> với tư cách là (*thư ký, thành viên*).....

Tôi xin cam kết những nội dung sau:

- 1)..... Tự nguyện tham gia Nhóm nghiên cứu mạnh do Ông/Bàlà Trưởng nhóm.
- 2)..... Thực hiện các nội dung nghiên cứu chúng của Nhóm theo phân công của Trưởng nhóm.
- 3)..... Tuân thủ Quy định về tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong Đại học Thái Nguyên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Tôi đã trao đổi và được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và Trưởng nhóm nghiên cứu để tham gia vào Nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh.

Trưởng nhóm nghiên cứu

....., ngày tháng năm 20...

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
CÁC THÀNH VIÊN NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH**

- Tên nhóm nghiên cứu:

- Trưởng nhóm:

TT	Chức danh, học vị, Họ và tên	ORCID	Năm sinh	Vai trò trong Nhóm, trình độ chuyên môn	Nơi công tác	Email liên hệ	Số tài khoản ngân hàng	Mã số thuế
1								
2								
3								
4								
...								

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20....

Trưởng nhóm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT PHẢN BIỆN
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm nghiên cứu:

Trưởng nhóm:

Họ tên thành viên hội đồng:

Chức danh, học vị:, Lĩnh vực chuyên môn chính:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Về uy tín, năng lực khoa học, các thành tựu khoa học của Trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu (mức độ đáp ứng các tiêu chí trong Quy định của Đại học Thái Nguyên về nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh, nêu rõ những điểm mạnh và điểm yếu):

1.1. Trưởng nhóm

1.2. Các thành viên

2. Về hướng nghiên cứu, mục tiêu và triển vọng phát triển của nhóm nghiên cứu (tính phù hợp giữa năng lực nghiên cứu của các thành viên, xu hướng nghiên cứu trong và ngoài nước, chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước)

3. Về kế hoạch hoạt động triển khai trong 5 năm và từng năm, các đề xuất của nhóm nghiên cứu (tính hợp lý và tính khả thi):

4. Các vấn đề khác

5. Kết luận (đề nghị công nhận hay không công nhận nhóm nghiên cứu mạnh):

Xác nhận của cơ quan công tác

Ngày tháng năm

Thành viên hội đồng

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 08-Phiếu đánh giá hội đồng xét chọn nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm nghiên cứu:

Trưởng nhóm:

Họ tên thành viên hội đồng:

TT	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng*	Ghi chú
1	Trưởng nhóm nghiên cứu		
	- Chức danh, học vị		
	- Uy tín khoa học, năng lực tập hợp, tổ chức		
	- Kinh nghiệm chủ trì đề tài cấp Bộ trở lên		
	- Kinh nghiệm hướng dẫn NCS hoặc LV thạc sĩ		
	- Kết quả hoạt động KH&CN trong 5 năm gần nhất		
	- Khả năng ngoại ngữ		
	- Kinh nghiệm, khả năng huy động nguồn lực		
2	Thành viên nhóm nghiên cứu		
	- Số lượng, tỷ lệ trong và ngoài Đại học Thái Nguyên		
	- Chức danh, học vị		
	- Kinh nghiệm chủ trì, tham gia thành viên các đề tài		
	- Kết quả hoạt động KH&CN trong 5 năm gần nhất		
3	Điều kiện CSVC, trang thiết bị nghiên cứu cơ bản		
4	Kinh nghiệm hợp tác (đối tác nghiên cứu, doanh nghiệp,..)		
5	Mức độ đầy đủ của bộ hồ sơ (bao gồm cả minh chứng)		
6	Hướng nghiên cứu và triển vọng phát triển		
7	Kế hoạch hoạt động 5 năm và từng năm		
8	Tính khả thi của các đề xuất		
9	Cam kết tạo điều kiện của đơn vị chủ quản nhóm nghiên cứu		
10	Trình bày và giải trình trước Hội đồng		

* Mức độ đáp ứng các tiêu chí ghi: "Đạt" hay "Không đạt"

Kết luận:

Nhóm nghiên cứu đạt hay không đạt yêu cầu để công nhận nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh?

Đạt

Không đạt

(Chú ý: Kết luận "Đạt" nếu tất cả các tiêu chí trong bảng trên đều "Đạt")

Ngày tháng năm

Thành viên Hội đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

1. Tên nhóm nghiên cứu:
2. Trưởng nhóm:
3. Quyết định thành lập hội đồng:.....
4. Ngày họp:.....
5. Địa điểm:.....
6. Thành viên hội đồng: Tổng số: Có mặt:..... Vắng mặt:.....
7. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:
 - Số phiếu đánh giá ở mức “Đạt”:
 - Số phiếu đánh giá ở mức “Không đạt”:
8. Kết luận của hội đồng*:
 - 8.1. Nhóm nghiên cứu có được đề nghị công nhận là nhóm nghiên cứu mạnh của Đại học Thái Nguyên không?
.....
.....

Lý do (nếu không đạt):

8.2. Các nội dung yêu cầu điều chỉnh, bổ sung:
.....

(*Ghi chú: Được đề nghị công nhận nếu trên 3/4 thành viên hội đồng có mặt đánh giá “Đạt”)

Chủ tịch hội đồng
(ký, họ tên)

Thư ký
(ký, họ tên)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Ngày gửi báo cáo: ../.../....

I. Thông tin chung

1	Tên nhóm	
	Tên tiếng Anh	
2	Trưởng nhóm	
3	Tên nhiệm vụ đặt hàng	
4	Thời gian thực hiện	
5	Tổng kinh phí	

II. Tình hình hoạt động của nhóm (Các nội dung nghiên cứu phải được liệt kê cụ thể theo tiến độ trong Thuyết minh đã được phê duyệt).

2.1. Những công việc chính đã thực hiện từ ngày ...tháng.... năm.... đến kỳ báo cáo:

2.2. Các kết quả/sản phẩm đã hoàn thành đến ngày báo cáo:

TT	Loại sản phẩm	Theo Thuyết minh	Kết quả đạt được	Tự nhận xét, đánh giá

2.3. Kết quả đào tạo (ghi rõ số lượng vào các ô thích hợp):

TT	Họ và tên	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ	Tình trạng	Minh chứng(*)
				Quyết định giao nhiệm vụ, Quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc Bằng

2.4. Công việc chưa hoàn thành; vấn đề phát sinh, thay đổi so với kế hoạch ban đầu (nếu nguyên nhân, nếu có):

2.5. Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với dự kiến ban đầu:

3. Những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới:

-

-

4. Kinh phí:

4.1. Tổng kinh phí tài trợ:

4.2. Kinh phí đã cấp kỳ này:

4.3. Kinh phí lũy kế đã cấp:

4.4. Kinh phí đã sử dụng (*đã hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán theo quy định*) kỳ này:

4.5. Tổng kinh phí đã sử dụng lũy kế (*đã hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán theo quy định*):

4.6. Kinh phí chưa sử dụng, chuyển kỳ sau:

5. Kết luận và kiến nghị: Đề tài đang được thực hiện theo thuyết minh và đã đạt được những kết quả quan trọng. Kiến nghị quỹ tiếp tục tài trợ để hoàn thiện đề tài.

BAN KHCN&ĐN

BAN KHTC

TRƯỞNG NHÓM NGHIÊN CỨU

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN KIỂM TRA
TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm:.....

Thời gian: giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm:

Thành phần dự họp:

- Đại học Thái Nguyên:

(1)., Đại diện ban Giám đốc, Trưởng đoàn;

(2)., Thư ký

(3)., Thành viên.

- Đại diện nhóm nghiên cứu/ nghiên cứu mạnh:

(1)., Trưởng nhóm;

(2).

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Các nội dung và kết quả đã thực hiện của NNC, NNCM

1.1. Về công bố khoa học:.....

1.2. Về đào tạo nghiên cứu sinh:.....

1.3. Về các hoạt động KH&CN khác:.....

2. Tình hình sử dụng kinh phí:

.....

3. Kiến nghị của nhóm NCM:

.....

4. Kết luận của tổ kiểm tra:

.....

Tổ chức chủ trì
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trưởng nhóm nghiên cứu
(Ký, họ tên)

T/M Đoàn kiểm tra
(Ký, họ tên)

HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

A. NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo tổng kết cuối kỳ hoạt động của nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh được đóng thành 01 tập, gồm có các phần sau đây xếp theo thứ tự:

Trang bìa ngoài (*xem mẫu bên dưới*)

Mục lục

Phần 1. Thông tin chung về nhóm nghiên cứu (*Tên nhóm, loại hình nghiên cứu, lĩnh vực chuyên môn, trưởng nhóm, danh sách các thành viên, đơn vị chủ quản, quyết định công nhận nhóm NC, NCM số/QĐ, ngày tháng năm, mục tiêu chiến lược, Làm rõ các thay đổi, điều chỉnh về tổ chức, nhân lực nếu có*)

Phần 2. Nội dung và kết quả nghiên cứu

Phần 3. Kết quả hoạt động của nhóm

Phần 4. Tình hình sử dụng kinh phí

Phần 5. Kết luận và đề xuất, kiến nghị

Phụ lục

(Bản sao quyết định công nhận, Kế hoạch hoạt động được phê duyệt, các minh chứng kết quả và sản phẩm hoạt động, các hồ sơ đính kèm khác)

B. HÌNH THỨC BÁO CÁO

- Báo cáo tổng kết được in trên khổ giấy A4 (210x297mm); lề trên 2,5 cm; lề dưới 2,5 cm; lề trái 3,0 cm và lề phải 2,0 cm.
- Định dạng phân chữ trong báo cáo: font chữ Times New Roman; cỡ chữ 13 (cỡ chữ trong các bảng, hình có thể nhỏ hơn); cách dòng (line spacing) 1,15; khoảng trên đoạn (spacing, before) 6 pt; dòng đầu đoạn (first line) lùi vào 1,27 cm.
- Các minh chứng phải là các bản scan từ bản gốc.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG
NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm:

Trưởng nhóm:

Đơn vị:

Thời gian hoạt động:

Tháng năm 20....

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhóm:
2. Mã số:
3. Danh sách thành viên nhóm nghiên cứu:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Vai trò của trong nhóm
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

5. Thời gian hoạt động: tháng (từ tháng năm đến tháng năm)
6. Tổng kinh phí được tài trợ: VNĐ.

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. **Mục tiêu** (*mục tiêu đặt ra ban đầu*)

2. **Nội dung và phạm vi nghiên cứu của nhóm** (*ban đầu*)

3. **Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** (*Mô tả chi tiết cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu đã thực hiện để giải quyết mục tiêu đặt ra, các bước tiến hành*)

4. **Kết quả của hoạt động nghiên cứu** (*Mô tả các kết quả nghiên cứu đạt được. Đánh giá về các kết quả nghiên cứu bao gồm tính mới, giá trị khoa học, giá trị thực tiễn và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu*)

Mô tả tóm tắt kết quả thứ nhất đạt được

Đánh giá về kết quả:

5. **Thay đổi so với thuyết minh, kế hoạch ban đầu** (*Về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu và tổ chức thực hiện; Nguyên nhân*)

PHẦN III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM

1. Kết quả công bố

STT	Công trình khoa học	ISSN/ ISBN	Tình trạng (Đã in/chấp nhận đăng)
1	Công trình công bố quốc tế trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus		
	<i>Tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, số, tập trang, DOI:</i>		
2	Công trình công bố quốc tế khác		
	<i>Tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, số, tập trang, DOI:</i>		
3	Công trình công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước		
	<i>Tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, số, tập trang, DOI:</i>		
4	Báo cáo khoa học đăng kỷ yếu hội nghị quốc gia/quốc tế		
	<i>Tên tác giả, tên công trình, tên hội thảo, địa điểm tổ chức, trang đăng công trình</i>		
5	Sách phục vụ đào tạo		
	<i>Tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, mã số xuất bản</i>		
6	Bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, hợp đồng chuyển giao		
	<i>Tác giả, chủ bằng sáng chế, tên sáng chế, số, số quyết định</i>		
6	Kết quả khác		

2. Kết quả đào tạo

STT	Họ và tên	Thời gian tham gia (số tháng)	Công trình công bố
Nghiên cứu sinh			
1			
2			
Học viên cao học			
1			

PHẦN IV. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

STT	Nội dung chi	Kinh phí được duyệt (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
A	<i>Chi phí trực tiếp</i>			
1	Nhân công lao động khoa học			
2	Nguyên, nhiên vật liệu			
3	Thiết bị, dụng cụ			
4	Đi lại, công tác phí			
5	Dịch vụ thuê ngoài			
6	Chi phí trực tiếp khác			
B	<i>Chi phí gián tiếp</i>			
1	Chi phí quản lý của tổ chức chủ trì			
	Tổng số :			

PHẦN V. KIẾN NGHỊ

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20

Tổ chức chủ trì

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên, chữ ký)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT PHẢN BIỆN
BÁO CÁO TỔNG KẾT NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm:

Trưởng nhóm:

Thời gian hoạt động:

Họ tên người phản biện:

Chức danh, học vị:, Lĩnh vực chuyên môn chính:

Nơi công tác:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Về quy cách báo cáo (mức độ tuân thủ quy định của Đại học Thái Nguyên về nội dung và hình thức báo cáo; tính rõ ràng, đầy đủ của báo cáo; các vấn đề về hình thức khác):

2. Về kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh (mức độ đáp ứng kế hoạch được phê duyệt, chất lượng của từng kết quả và sản phẩm, hiệu quả của các hoạt động, uy tín về chuyên môn của nhóm có được nâng cao, việc tổ chức điều hành các hoạt động, vai trò đóng góp của các thành viên, sự hợp tác với các đối tác,...)

3. Về kinh phí và cơ sở vật chất, trang thiết bị (khả năng huy động kinh phí, tính hợp lý trong sử dụng kinh phí; sử dụng và gia tăng về CSVC, trang thiết bị):

4. Các vấn đề cần trao đổi, góp ý

5. Kết luận: Báo cáo tổng kết đủ điều kiện để đưa ra Hội đồng đánh giá hay không?

Xác nhận của đơn vị
(đối với thành viên ngoài Đại học Thái Nguyên)

Ngày tháng năm
NGƯỜI NHẬN XÉT

Mẫu 15-Phiếu đánh giá báo cáo tổng kết nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
BÁO CÁO TỔNG KẾT NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

Tên nhóm nghiên cứu:

Trưởng nhóm:

Họ tên người đánh giá:

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Các hoạt động triển khai đúng tiến độ theo kế hoạch phê duyệt	5	
2	Số lượng các kết quả, sản phẩm đáp ứng theo kế hoạch	10	
3	Chất lượng các kết quả, sản phẩm đáp ứng theo kế hoạch	25	
4	Hiệu quả do các hoạt động của nhóm đem lại	10	
5	Uy tín chuyên môn của nhóm được nâng cao	10	
6	Tổ chức điều hành tốt, tham gia đầy đủ của các thành viên	5	
7	Sự hợp tác với các đối tác nghiên cứu, doanh nghiệp...	10	
8	Khả năng huy động kinh phí, sử dụng hợp lý kinh phí	10	
9	Năng lực CSVC và trang thiết bị được cải thiện	10	
10	Chất lượng của báo cáo tổng kết	5	
	<i>Tổng điểm</i>	<i>100</i>	

Các ý kiến góp ý khác:

.....
Kết luận: Xếp loại kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu/ nhóm nghiên cứu mạnh:

Không đạt

Đạt

Xuất sắc

Ghi chú: Xếp loại (theo điểm tổng cộng): Xuất sắc: 85-100 điểm; Đạt: 55-84 điểm; Không đạt: < 55 điểm

Ngày tháng năm
Thành viên Hội đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT NHÓM NGHIÊN CỨU, NGHIÊN CỨU MẠNH

1. Tên nhóm nghiên cứu:
2. Trưởng nhóm:
3. Quyết định thành lập Hội đồng:
4. Ngày họp:
5. Địa điểm:
6. Thành viên hội đồng: Tổng số: Có mặt:..... Vắng mặt:.....
7. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:
 - Số phiếu đánh giá ở mức “Xuất sắc”:
 - Số phiếu đánh giá ở mức “Đạt”:
 - Số phiếu đánh giá ở mức “Không đạt”:
8. Kết luận của hội đồng:
 - 8.1. Đánh giá hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh*:
.....
 - 8.2. Các ý kiến khác:
.....
.....
.....

(*Ghi chú: Kết luận của Hội đồng là “Đạt” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Đạt”; là “Xuất sắc” nếu có 3/4 số thành viên có mặt đánh giá ở mức “Xuất sắc” và không có thành viên nào đánh giá ở mức “Không đạt”).

Chủ tịch hội đồng
(ký, họ tên)

Thư ký
(ký, họ tên)

a) Công bố...¹..... bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục...²....., (trong đó³.....);

b) Nội dung bài báo thuộc lĩnh vực nghiên cứu đã đăng ký của nhóm;

c) Tác giả chính (First author hoặc Corresponding author) phải là trưởng nhóm hoặc thành viên nhóm nghiên cứu, xuất hiện trong bài báo với tên đơn vị công tác (Affiliation), địa chỉ..... email

d) Trong lời cảm ơn (Acknowledgment) của bài báo phải có ghi cảm ơn sự hỗ trợ kinh phí của Đại học Thái Nguyên.

2. Tổ chức đào tạo sau đại học thông qua các đề tài, dự án khoa học và công nghệ của nhóm; trong năm tiếp nhận mới.....⁴.....nghiên cứu sinh (NCS);học viên cao học. NCS hoặc học viên cao học phải do trưởng nhóm hoặc thành viên trong nhóm hướng dẫn chính, có đề tài luận án thuộc lĩnh vực nghiên cứu đã đăng ký của nhóm. Trường hợp không có NCS do không tuyển được, có thể đề xuất thay 01 NCS bằng 02 học viên cao học hoặc 01 bài báo trên tạp chí khoa học thuộc danh mục SCIE, Scopus.

Điều 2. Kết thúc thời gian hợp đồng, bên B phải giao nộp cho bên A các sản phẩm gồm:

1. Báo cáo tình hình hoạt động;

2. Minh chứng xuất bản các bài báo, bằng độc quyền sáng chế, hợp đồng chuyển giao; các minh chứng về đào tạo sau đại học do trưởng nhóm hoặc thành viên trong nhóm hướng dẫn;

4. Các minh chứng cập nhật sản phẩm khoa học trên tài khoản cá nhân trưởng nhóm và các thành viên trên website Đại học Thái Nguyên và một trong các website: Research Gate, Google Scholar, ORCID (orcid.org) hoặc một CSDL nghiên cứu quốc tế khác.

Điều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng là tháng, từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày..... tháng.....năm.....; có thể gia hạn tối đa 6 tháng để hoàn thành các thủ tục.

Điều 4: Bên A cấp cho bên B số tiền là(bằng chữ:..... triệu đồng), là khoản kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của nhóm nghiên cứu, chia ra:

Năm 1: triệu đồng Năm 2: triệu đồng Năm 3: triệu đồng

(Chi tiết các khoản chi theo phụ lục đính kèm)

Điều 5: Hai bên thoả thuận việc kiểm tra thực hiện hợp đồng hàng năm vào các thời điểm sau: lần thứ nhất – ngày.....tháng năm, lần thứ hai – ngày tháng.....năm..... Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên phải thông báo cho nhau những vấn đề nảy sinh và cùng nhau bàn bạc giải quyết.

¹ Số lượng bài báo đặt hàng được xác định hàng năm tùy thuộc vào mức kinh phí hỗ trợ.

² Danh mục SCIE đối với lĩnh vực Khoa học Tự nhiên-Công nghệ; danh mục Scopus đối với lĩnh vực Khoa học Giáo dục, Khoa học Xã hội và Nhân văn.

³ Điều kiện khác như hạng Q1, Q2... sẽ được xác định hàng năm nếu có.

⁴ Số lượng nghiên cứu sinh đặt hàng được xác định hàng năm tùy thuộc mức kinh phí hỗ trợ.

Điều 6: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, hai bên chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá cuối kỳ theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /QB-DHTN. Sản phẩm của bên B quy định ở Điều 2 được Hội đồng đánh giá chính thức công nhận được coi là chứng từ để thanh lý Hợp đồng.

Điều 7: Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã được ghi trong Hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành.

Điều 8: Quyền sở hữu đối với kết quả và các sản phẩm nghiên cứu thuộc về Đại học Thái Nguyên.

Điều 9: Hợp đồng gồm có ... trang (danh số từ 01 đến) và 01 phụ lục đính kèm có giá trị kể từ ngày ký. Hợp đồng này được làm thành 6 bản có giá trị pháp lý và nội dung giống nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 04 bản.

Thái Nguyên, ngày tháng năm

Đại diện bên A

Thái Nguyên, ngày tháng năm

Đại diện bên B